TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29–6–2021
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Chiều

2. Ông Lê Thanh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim K (tên gọi khác là N), sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn M, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: ấp T1, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim K trình bày:*

Vào năm 2001, chị K và anh M có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị K và anh M sống tại ấp T, xã L, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị K và anh M sống chung rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa chị K và anh M phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống

chung không còn hạnh phúc. Trong thời gian sống chung, chị K và anh M có 02 (hai) người con chung tên Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 và Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009, hiện tại cháu N1 và cháu D đang sống cùng chị K. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa chị K và anh Võ Văn M là vợ chồng.

- Về con chung: Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, chị K không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 hiện nay đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có khả năng lao động, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn M trình bày:*

Anh M thống nhất với trình bày của chị K về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do giữa anh M và chị K có phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung. Nhưng anh M vẫn còn thương chị K và các con nên anh M không đồng ý ly hôn với chị K. Về con chung, nếu trường hợp anh M và chị K ly hôn thì anh M đồng ý giao con chung tên Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh K không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 hiện nay đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có khả năng lao động, nên anh M không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, anh M thống nhất trình bày của chị K là không có và không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị K và anh M là vợ chồng; giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 hiện nay đã đủ 18 (mười tám) tuổi, có khả năng lao động; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh M vẫn giữ nguyên ý kiến đồng ý giao cho chị K nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 đã đủ 18 (mười tám) tuổi, có khả năng lao động; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Nhưng về quan hệ hôn nhân không đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận chị K và anh M là vợ chồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử không công nhận chị K và anh M là vợ chồng; về con chung giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 hiện nay đã đủ 18 (mười tám) tuổi và về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim K khởi kiện anh Võ Văn M, cư trú tại ấp T1, xã M2, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu Tòa án không công nhận chị K và anh M là vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nuôi con. Nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị K và anh M tự nguyện tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng, nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, chị K và anh M sống chung hạnh phúc tại ấp T, xã L, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng được một thời gian dài, nhưng nay chị K và anh M xảy ra mâu thuẫn làm cho đời sống chung không còn hạnh phúc nên chị K và anh M đã không còn sống chung. Đối chiếu "Đơn xin xác nhận" ngày 28 tháng 12 năm 2020 của chị K được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận chị K và anh M từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn là đúng. Từ đó, có cơ sở xác định chị K và anh M không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*, đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*. Như vậy, chị K và anh M sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn, nay chị K yêu cầu không công nhận chị chị K và anh M là vợ chồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung, chị K và anh M đều thống nhất trình bày: Trong thời gian sống chung, chị K và anh M có 02 (hai) người con chung tên Võ Duy N1, sinh ngày

26 tháng 12 năm 2001 và Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009, hiện tại cháu N1 đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có thể tự lao động để nuôi sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với cháu D đang sống cùng chị K, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị K và anh M đã thống nhất giao cháu D cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Mặc khác, từ khi chị K và anh M không còn sống chung với nhau cho đến nay, cháu D cũng đang sống cùng chị K, do chị K chăm sóc, nuôi dưỡng và qua tham khảo ý kiến của cháu D cũng có nguyện vọng sống cùng với chị K. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu D thì tiếp tục giao cháu D cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị K và anh M là giao cháu D cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có thể tự lao động để nuôi sống, chị K và anh M không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị K không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, chị K và anh M thống nhất là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 2 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Kim K và anh Võ Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Kim K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Võ Thị Thúy D, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Anh Võ Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Võ Duy N1, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2001 đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có thể tự lao động để nuôi sống, chị Lê Thị Kim K và anh Võ Văn M không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Kim K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008907 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Lê thị Kim K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 6 năm 2021).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã L, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Luân